QUY ĐỊNH VỀ MỞ VÀ SỬ DỤNG TÀI KHOẢN VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM CỦA ABBANK

I. Đối tượng khách hàng:

Nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức được phép mở TKV đầu tư nước ngoài tại Việt Nam theo quy định của Pháp Luật. Bao gồm:

1. Là tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài bao gồm:
   (i) Tổ chức kinh tế được nhà đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp thành viên thành lập theo quy định pháp luật đầu tư và các quy định pháp luật có liên quan;
   (ii) Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài có nhà đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp thành viên là thành viên hoặc cổ đông nắm giữ trên 50% vốn điều lệ thông qua việc đầu tư góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp;
   (iii) Doanh nghiệp dự án PPP do nhà đầu tư nước ngoài thành lập.
2. Nhà đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp thành viên tham gia hợp đồng BCC.
3. Nhà đầu tư nước ngoài trực tiếp thực hiện dự án PPP trong trường hợp không thành lập doanh nghiệp dự án PPP.
4. Nhà thầu là nhà đầu tư nước ngoài trong các hợp đồng dầu khí và các văn bản thỏa thuận trong lĩnh vực dầu khí được ký kết nhân danh Nhà nước hoặc Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với bên ký kết nước ngoài.

II. Hồ sơ mở Tài khoản thanh toán

1. Các hồ sơ, giấy tờ gồm:
   - Các hồ sơ, giấy tờ về mở TKTT theo quy định của ABBank từng thời kỳ.
   - Giấy cam kết v/v chỉ mở và giao dịch tài khoản vốn tại ABBank
   - và các hồ sơ, giấy tờ bổ sung dưới đây:

Loại tài khoản	**Loại tiền**	**Hồ sơ, giấy tờ bổ sung**
Tài Khoản Vốn Đầu Tư	Ngoại tệ	**(i) Doanh nghiệp được nhà đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp thành viên thành lập theo quy định pháp luật đầu tư và các quy định pháp luật có liên quan**: Bản sao chứng thực Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy

Loại tài khoản	Loại tiền	Hồ sơ, giấy tờ bổ sung
Nước Ngoài tại Việt Nam		chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Giấy phép đầu tư; Giấy phép thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật chuyên ngành (đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thành lập và hoạt động theo pháp luật chuyên ngành).[1] **(ii) Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có nhà đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp thành viên hoặc cổ đông nắm giữ trên 50% vốn điều lệ thông qua việc đầu tư góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp**: Bản sao chứng thực Thông báo việc đáp ứng điều kiện đầu tư đối với trường hợp góp vốn, mua cổ phần, mua lại phần vốn góp của Nhà Đầu Tư Nước Ngoài của Sở Tài chính; Bản sao chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (đã ghi nhận về thành viên góp vốn, cổ đông là Nhà Đầu Tư Nước Ngoài). **(iii) Doanh nghiệp dự án do Nhà Đầu Tư Nước Ngoài thành lập để thực hiện dự án PPP theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư**: Bản sao chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký DN; Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà Đầu Tư; Hợp đồng PPP[2]. **(iv) Đối với Nhà Đầu Tư Nước Ngoài tham gia hợp đồng BCC, Nhà Đầu Tư Nước Ngoài trực tiếp thực hiện dự án PPP trong trường hợp không thành lập DN dự án:** - **Nhà Đầu Tư Nước Ngoài tham gia hợp đồng BCC:** Bản sao Hợp đồng hợp tác kinh doanh (trong trường hợp chủ thể đề nghị mở tài khoản

[1] Điều 19 Luật Đầu Tư số 143/2025/QH15

[2] Nghị định 243/2025/NĐ – CP Quy định chi tiết một số điều của Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư;

Loại tài khoản	Loại tiền	Hồ sơ, giấy tờ bổ sung
		là Nhà Đầu Tư Nước Ngoài tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh); Bản gốc văn bản về tiến độ góp vốn đầu tư của dự án hoặc dự kiến tiến độ góp vốn đầu tư của dự án do nhà đầu tư lập; Bản sao chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. - **Nhà Đầu Tư Nước Ngoài trực tiếp thực hiện dự án PPP nhưng không thành lập DN dự án**: Bản sao chứng thực Hợp đồng dự án PPP với cơ quan nhà nước có thẩm quyền[3]; Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà Đầu Tư (nếu có). **(v) Người điều hành, nhà thầu là nhà đầu tư nước ngoài trong các hợp đồng dầu khí và các văn bản thỏa thuận trong lĩnh vực dầu khí được ký kết nhận danh nhà nước hoặc Chính phủ Việt Nam:** Bản sao chứng thực Hợp đồng dầu khí và các văn bản thỏa thuận trong lĩnh vực dầu khí được ký kết nhân danh Nhà nước hoặc Chính phủ Việt Nam với bên ký kết nước ngoài đó; Bản sao chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cấp cho nhà thầu. **(vi)** Các giấy tờ liên quan khác theo quy định của Pháp luật trong từng thời kỳ.
	VND	Hồ sơ tương tự trường hợp mở Tài Khoản Vốn bằng ngoại tệ.

2. Các tài liệu, thông tin, dữ liệu khác theo yêu cầu của ABBANK (nếu cần).

III. Trình tự, thủ tục mở, sử dụng Tài khoản vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam

1. Khách hàng

- Cung cấp cho ABBANK đầy đủ hồ sơ mở Tài khoản vốn;
- Đóng TK vốn đã mở trước đó tại NH được phép theo quy định Pháp luật (nếu có) và chuyển toan bộ dòng tiền sang TK vốn mới mở tại ABBank;

[3] Nghị định 243/2025/NĐ – CP Quy định chi tiết một số điều của Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư;

- Tuân thủ các quy định về quản lý ngoại hối trong hoạt động đầu tư nước ngoài tại Việt Nam theo quy định Pháp luật;
- Kê khai trung thực, đầy đủ nội dung giao dịch, ghi rõ mục đích chuyển tiền liên quan đến hoạt động đầu tư nước ngoài tại Việt Nam;
- Cung cấp các tài liệu, chứng từ liên quan theo yêu cầu và hướng dẫn của ABBank;
- Tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của các loại tài liệu, chứng từ đã cung cấp cho ABBank.

2. ABBANK

- Kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ; đối chiếu đảm bảo sự khớp đúng, chính xác của hồ sơ do KH cung cấp;
- Thực hiện nhận biết khách hàng theo quy định pháp luật về Phòng,chống rửa tiền và tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.
- Cung cấp dịch vụ Tài khoản cho KH theo quy định Pháp luật, cung cấp thông tin theo yêu cầu của chủ Tài khoản về số dư tài khoản, thông tin về giao dịch trên tài khoản vốn đầu tư của nhà đầu tư, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài và doanh nghiệp thành viên.

Lưu ý khi mở và sử dụng tài khoản vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam: tuân thủ theo Thông tư số 38/2026/TT-NHNN quy định về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.